

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Hải Hà

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên: Nguyễn Hải Hà

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Hải Hà

Mã SV: 110057

Lớp: QT1101K

Ngành: Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài: *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng*

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp phải sản xuất được nhiều sản phẩm, cung cấp được nhiều dịch vụ, tiêu thụ được nhanh và thu được nhiều lợi nhuận. Câu hỏi đặt ra cho các doanh nghiệp là phải làm sao để không ngừng nâng cao nâng cao được lợi nhuận và có thể đứng vững trên thị trường cạnh tranh, một trong những biện pháp quan trọng mà doanh nghiệp quan tâm đến đó là không ngừng tiết kiệm chi phí sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi, tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp để kịp thời có biện pháp khắc phục.

Để thực hiện điều này, một trong những công việc mà doanh nghiệp phải làm đó là tổ chức tốt công tác kế toán vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng, em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nên luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất trong phương pháp hạch toán kế toán, vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng với đề tài “ *Hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp* “. Trong quá trình làm khóa luận, với sự hiểu biết và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận của em vẫn còn nhiều sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin được chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo – Th.s Nguyễn Văn Thụ giảng viên khoa quản trị kinh doanh trường đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp đỡ em trong quá trình làm khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn

Nội dung khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận được kết cấu làm 3 chương :

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chúng ta đang sống trong thời kỳ sôi động của nền kinh tế thị trường, một xã hội chủ nghĩa lấy vật chất làm cơ sở để tồn tại và phát triển.

Trong nền kinh tế thị trường mục tiêu cuối cùng của các doanh nghiệp là hoạt động nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Lợi nhuận được tính bằng doanh thu trừ đi các khoản chi phí của doanh nghiệp, để tăng lợi nhuận các doanh nghiệp phải tìm cách tăng doanh thu, giảm chi phí trong đó tăng doanh thu là một trong những biện pháp quan trọng để tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Để tăng doanh thu và quản lý một cách chặt chẽ, các doanh nghiệp phải biết sử dụng kế toán như một công cụ quan trọng nhất và không thể thiếu được. Vì vậy, các doanh nghiệp cần thiết phải quan tâm đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Mọi hoạt động, mọi nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp đều phải được hạch toán để đi đến công việc cuối cùng là xác định kết quả kinh doanh.

Hiện nay, thông tin về kết quả kinh doanh rất quan trọng vì căn cứ vào đó các nhà quản lý mới biết được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình có đạt hiệu quả hay không và lãi lỗ như thế nào. Từ đó, đưa ra được định hướng phát triển tương lai.

Với chức năng thu nhận, cung cấp, xử lý thông tin về các quá trình kinh tế, tài chính của doanh nghiệp, về tình hình tiêu thụ trên thị trường, từ đó kế toán giúp

các nhà quản lý đưa ra được những quyết định đúng đắn và có hiệu quả trong sản xuất, tiêu thụ, đầu tư, tạo ra cho mình một lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp thu chi, trang trải cho số vốn đã bỏ ra như chi phí tiền lương, tiền thưởng cho người lao động, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn đồng thời mở rộng sản xuất, tăng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp có thể tham gia góp vốn cổ phần, liên doanh liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con.

Trên góc độ tài chính, doanh thu là đòn bẩy kinh tế quan trọng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức phát triển nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh thu cao nghĩa là quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ tốt góp phần làm tăng tốc độ chu chuyển vốn, làm cho đồng vốn kinh doanh không bị ứ đọng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

Nếu doanh thu của doanh nghiệp không đủ để trang trải cho những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính, tình trạng này kéo dài doanh nghiệp sẽ không còn đủ sức để tồn tại và phát triển sẽ dẫn đến phá sản.

Trong quá trình quản lý kế toán ở các doanh nghiệp, hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý kinh doanh, bảo vệ tài sản thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

❖ Yêu cầu:

- Quản lý doanh thu là quản lý quá trình bán hàng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ. Yêu cầu đặt ra là phải quản lý khách hàng và thực hiện kế hoạch tiêu thụ đối với từng thời kỳ, từng khách hàng, từng hợp đồng kinh tế.

- Phải giám sát chặt chẽ hàng hóa tiêu thụ trên tất cả các phương diện: số lượng, chất lượng.

- Phải quản lý chặt chẽ tình hình thanh toán của khách hàng, yêu cầu thanh toán đúng hình thức và thời gian, tránh mất mát ứ đọng vốn.

- Tránh hiện tượng mất mát, hư hỏng, tham ô, lãnh phí, kiểm tra tính hợp lý của các khoản chi phí đồng thời phân bổ chính xác cho đúng hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

❖ Nhiệm vụ: Để đáp ứng tốt yêu cầu quản lý về mặt tiêu thụ hàng hóa hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tính toán, ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ. Vận dụng nguyên tắc giá phí và các phương pháp tính giá phù hợp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả bán hàng.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình hiện có, sự biến động của thành phẩm, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý thành phẩm trong kho, tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản doanh thu, giảm trừ doanh thu, chi phí liên quan và doanh thu của từng hoạt động. Đồng thời đơn đốc theo dõi, thu hồi các khoản nợ phải thu với khách hàng.

- Tính toán, xác định chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ với ngân sách nhà nước.

- Cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo theo quy định của pháp luật

1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4.1. Doanh thu và các loại doanh thu.

- Doanh thu : là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng hóa : là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong 1 kỳ kế toán của doanh nghiệp.

- Doanh thu bán thành phẩm : là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm được xác định là đã bán.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ : là doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán.

- Doanh thu trợ cấp, trợ giá : là các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ theo yêu cầu của nhà nước.

- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư : là doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán thanh lý bất động sản đầu tư.

- Doanh thu thuần : là số chênh lệch giữa doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Doanh thu hoạt động tài chính : là doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được

coi là thực hiện trong kỳ không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

- Thu nhập khác : là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.
- Giá trị hợp lý : là giá trị tài sản có thể trao đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.
- Thời điểm ghi nhận doanh thu : là thời điểm người mua chấp nhận thanh toán.
- Chiếu khấu thương mại : là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán : là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Hàng bán bị trả lại : là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân thuộc về người bán.

1.1.4.2. Chi phí và các loại chi phí

- Chi phí : là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống, vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.
- Giá vốn hàng bán: là giá trị vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất . Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.
- Chi phí bán hàng : là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp : là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất cứ hoạt động nào

thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

- Chi phí hoạt động tài chính : là khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

- Chi phí khác : là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản phạt, truy thu thuế.

1.1.4.3. Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Hoạt động sản xuất kinh doanh : là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp

- Hoạt động tài chính : là hoạt động đầu tư về vốn với mục đích kiếm lời (mua bán chứng khoán, mua bán ngoại tệ, lãi tiền gửi ngân hàng thuộc vốn kinh doanh, lãi cho vay thuộc các nguồn vốn..).

- Hoạt động khác : là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp (thu về thanh lý tài sản cố định, tài sản thừa không rõ nguyên nhân)

1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng

❖ Bán hàng : là hoạt động thực hiện sự trao đổi sản phẩm hay dịch vụ của người bán chuyên cho người mua để được nhận lại từ người mua tiền hay vật phẩm hoặc giá trị trao đổi đã thỏa thuận”.

Hoạt động bán hàng gồm có 2 hành động chính, đó là trao đổi và thỏa thuận. Trao đổi trong bán hàng gồm có hành động mua và hành động bán. Hành động bán, đó là hành động trao đi hàng hoá hay dịch vụ để nhận về tiền hay vật phẩm có giá trị trao đổi theo thỏa thuận ban đầu. Còn hành động mua là hành động nhận về hàng hóa và dịch vụ từ phía bên kia và trao tiền hay vật phẩm có giá trị trao đổi được bên kia chấp nhận.

Hành động bán hàng chỉ được thực hiện khi hành động thỏa thuận thành công. Hành động thỏa thuận chủ yếu là về giá cả, các điều kiện mua bán, giao hàng, thanh toán...

Qua khái niệm trên ta thấy hai đối tượng chủ yếu được đề cập: người mua (khách hàng) và người bán (nhân viên bán hàng, doanh nghiệp).

Ngày nay sự cạnh tranh trong thế giới kinh doanh ngày càng gay gắt nên công việc bán hàng ngày càng phức tạp. Bán hàng ngày nay không đơn thuần là sự trao đổi hàng hóa hay dịch vụ mà là quá trình giúp đỡ lẫn nhau giữa người mua và người bán. Người bán giúp đỡ người mua có được những thứ họ cần, ngược lại người mua cũng giúp cho người bán đạt được mục tiêu, thu về lợi nhuận, giải quyết đầu ra cho nơi sản xuất, đẩy mạnh sự sáng tạo trong kinh doanh và sản xuất.

❖ Các phương thức bán hàng :

- Bán buôn : là hình thức bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại lớn hoặc bán cho các doanh nghiệp sản xuất để tiếp tục sản xuất. Đặc điểm của phương thức bán hàng này là hàng hóa chưa đến tay người tiêu dùng. Giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện đầy đủ.

- Bán lẻ : là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay. Khách hàng chủ yếu là những cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua hàng nhằm đáp ứng nhu cầu trực tiếp của họ.

- Phương thức gửi hàng : theo phương thức này định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng, khi xuất kho hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- Phương thức bán thông qua đại lý : trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ

hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

- Phương thức bán hàng trả chậm trả góp : theo phương thức này khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quy định của hợp đồng .Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán hàng trả chậm, trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Phương thức bán hàng đổi hàng : doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ *Chứng từ, tài khoản sử dụng*

- Chứng từ : Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu, giấy báo có...
- Tài khoản sử dụng:
 - ✓ Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

❖ Nguyên tắc hạch toán

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau :

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch hàng hóa.
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Với sản phẩm hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng.
- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán(giá bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK).
- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
- Đối với doanh nghiệp nhận bán hàng thông qua đại lý thì doanh thu được ghi nhận là số tiền hoa hồng thực tế được hưởng không bao gồm số tiền thu về từ bán hàng.
- Đối với doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp thì doanh thu là giá trả tiền 1 lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp. Tiền lãi trả chậm, trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hàng kỳ.

❖ *Kết cấu tài khoản 511***Bên nợ :**

- Số thuế TTĐB hoặc thuế XK tính trên doanh thu bán trong kỳ.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Các khoản chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại và khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh

Bên có :

- Tổng doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết thành 6 TK cấp 2

- Tài khoản 5111 – doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 – doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 – doanh thu kinh doanh bất động sản
- Tài khoản 5118 - doanh thu khác

- ✓ Tài khoản 512 – doanh thu bán hàng nội bộ

Dùng để phản ánh doanh thu số hàng tiêu thụ trong nội bộ của doanh nghiệp. Kế cấu TK 512 tương tự TK 511.

Tài khoản 512 phải được hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho từng đơn vị phụ thuộc hạch toán độc lập.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết thành 3 TK cấp 2:

- Tài khoản 5121 – doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5122 – doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123 – doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Chiết khấu thương mại - Doanh thu hàng bán bị trả lại - Doanh thu hàng giảm giá - Thuế XK, thuế TTĐB phải nộp NSNN, thuế GTGT phải nộp(theo phương pháp trực tiếp)

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm : Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

❖ Chiết khấu thương mại : chiết khấu thương mại là khoản mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua với số lượng lớn theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

+ Chiết khấu thương mại chỉ được hạch toán khi nó được trừ ngoài hóa đơn.

+ Chính sách chiết khấu thương mại phải được quy định rõ ràng trong quy chế tài chính của công ty và hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên .

- Chứng từ, tài khoản sử dụng:

+ Chứng từ : Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo có..

+ Tài khoản : Tài khoản 521 – chiết khấu thương mại

❖ Hàng bán bị trả lại : Phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân : Vi phạm cam kết hợp đồng, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách chủng loại.

+ Chỉ phản ánh vào tài khoản này giá trị của số hàng đã bán nay bị trả lại và được tính theo đúng đơn giá bán đã ghi trên hóa đơn trước đây. Các chi phí phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được hạch toán vào Tài khoản 641 – chi phí bán hàng.

- Chứng từ, tài khoản sử dụng:

+ Chứng từ : Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo có..

+ Tài khoản : Tài khoản 531 – hàng bán bị trả lại

❖ Giảm giá hàng bán : Phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do những nguyên nhân thuộc về người bán.

+ Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn do hàng bán kém, mất phẩm chất...

- Các khoản thuế được giảm trừ doanh thu : thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế XK, thuế TTĐB.

- Chứng từ, tài khoản sử dụng:

- Chứng từ : Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo có..

- Tài khoản : Tài khoản 532 – giảm giá hàng bán

❖ *Kết cấu TK 521, TK 531, TK 532*

Bên nợ :

Số chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán thực tế phát sinh trong kỳ

Bên có :

Kết chuyển các khoản chiết khấu thương mại. hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán để xác định doanh thu thuần trong kỳ

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như : chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí thanh lý nhượng bán bất động sản đầu tư..

Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho:

- Phương pháp bình quân gia quyền.

Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho được tính căn cứ vào số lượng vật xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\begin{array}{l}
 \text{Trị giá thực tế hàng} \\
 \text{tồn đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá thực tế hàng} \\
 \text{hoá nhập trong kỳ}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{l}
 \text{Đơn giá bình quân của} \\
 \text{hàng hoá xuất kho trong kỳ}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng hàng hoá} \\
 \text{tồn đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng hàng hoá} \\
 \text{nhập trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Số lượng hàng} \\
 \text{xuất trong kỳ}
 \end{array}
 }
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Đơn giá thực tế} \\
 \text{bình quân}
 \end{array}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

- Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp nhập sau - xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh.

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho.

❖ *Chứng từ, tài khoản sử dụng:*

- Chứng từ : Phiếu xuất kho, bảng phân bổ nguyên vật liệu..
- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

❖ *Kết cấu TK 632*

Bên nợ :

- Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ
- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ.
- Phản ánh thiếu hụt, mất mát hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do người gây ra.
- Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ tự xây dựng, chế tạo.
- Phản ánh khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước
- Phản ánh khoản giá trị còn lại của BĐS đầu tư đã được bán, thanh lý, các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư

Bên có :

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối niên độ kế toán
- Kết chuyển giá vốn hàng đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm : Các chi phí chào hàng giới thiệu sản phẩm, quảng cáo, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói sản phẩm...

❖ *Chứng từ, tài khoản sử dụng:*

- Chứng từ : Hóa đơn GTGT(mẫu số 01GTKT 3LL), phiếu chi(mẫu số 02 –TT), giấy báo nợ, bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02 – LĐTL), bảng phân bổ tiền lương và BHXH (mẫu số 11 –LĐTL), bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06 – TSCĐ)..

❖ *Kết cấu TK 641 :*

Bên Nợ:

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá bán thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

TK 641 – Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí

- ✓ Tài khoản 6411 – chi phí nhân viên
- ✓ Tài khoản 6412 – chi phí vật liệu bao bì
- ✓ Tài khoản 6413 – chi phí dụng cụ đồ dùng
- ✓ Tài khoản 6414 – chi phí khấu hao TSCĐ
- ✓ Tài khoản 6415 – chi phí bảo hành
- ✓ Tài khoản 6417 – chi phí dịch vụ mua ngoài
- ✓ Tài khoản 6418 – chi phí bằng tiền khác

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí phục vụ cho hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm : Các chi phí về lương của nhân viên thuộc bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê môn bài, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác

❖ Chứng từ , tài khoản sử dụng

- Chứng từ : Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06 – TSCĐ) , bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 11 – LĐTL), phiếu chi (mẫu số 02 – TT), giấy báo nợ TGNH, hóa đơn GTGT...

❖ Kết cấu TK 642

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- ✓ Tài khoản 6421 – chi phí nhân viên quản lý
- ✓ Tài khoản 6422 – chi phí vật liệu quản lý
- ✓ Tài khoản 6423 – chi phí đồ dùng văn phòng
- ✓ Tài khoản 6424 – chi phí khấu hao TSCĐ
- ✓ Tài khoản 6425 – thuế, phí và lệ phí
- ✓ Tài khoản 6426 – chi phí dự phòng
- ✓ Tài khoản 6427 – chi phí dịch vụ mua ngoài
- ✓ Tài khoản 6428 – chi phí bằng tiền khác

1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu từ hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi : Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ...
- Cổ tức , lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết , vào công ty con hoặc đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch do bán ngoại tệ
- ❖ *Chứng từ , tài khoản sử dụng :*
- Chứng từ : phiếu thu (mẫu số 01- TT), giấy báo có...
- Tài khoản 515 – doanh thu hoạt động tài chính

❖ *Kết cấu TK 515*

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Tiền lãi
- Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản
- Chênh lệch về do bán ngoại tệ
- Thu nhập về hoạt động đầu tư CK

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch, chứng khoán..Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái..

❖ Chứng từ, tài khoản sử dụng:

- Chứng từ : phiếu chi (mẫu số 02 – TT), giấy báo nợ TGNH...

- Tài khoản 635 – chi phí hoạt động tài chính

➤ *Kết cấu TK 635*

Bên Nợ:

- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.
- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

1.2.5. Kế toán thu nhập và chi phí khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm :

- Thu nhập về nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

❖ Chứng từ, tài khoản sử dụng:

- Chứng từ : hóa đơn GTGT (mẫu số 01GTKT – 3LL), phiếu thu (mẫu số 01 – TT), giấy báo có TGNH...
- Tài khoản 711 – thu nhập khác

❖ Kết cấu TK 711

❖ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác

❖ *Chứng từ, tài khoản sử dụng :*

- Chứng từ : phiếu chi (mẫu số 02 – TT), giấy báo nợ TGNH, hóa đơn GTGT...

❖ *Kết cấu TK 811*

Bên Nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh tăng trong kỳ

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong công ty trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

Cách xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh = doanh thu thuần – giá vốn hàng bán + doanh thu hoạt động tài chính – chi phí tài chính - chi phí bán hàng- chi phí quản lý doanh nghiệp + thu nhập khác – chi phí khác.

Doanh	thu bán	=	Doanh	thuán	-	Chiết	-	Giảm	-	Hàng	-	Thuế TTĐB, thuế XK
	hàng và		thu bán			khấu		giá hàng		bán bị		
	cung		thuán			thương		bán		trả lại		
	cấp					mại						
	dịch vụ											

❖ *Tài khoản sử dụng :*

Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ hạch toán nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận từ hoạt động khác.

❖ *Kết cấu tài khoản 911*

Bên nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm hàng hóa, BĐS đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác.

- Chi phí thuế TNDN
- Kết chuyển lãi

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm , hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình trong 5 hình thức sổ kế toán sau:

1.3.1 Hình thức nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.2 Hình thức Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký sổ cái. Căn cứ ghi vào nhật ký sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức này gồm các loại sổ :

- Nhật ký sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm :

- + Ghi theo trình tự thời gian sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong tháng hoặc cả năm (theo STT trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức này bao gồm các sổ sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ và thẻ kế toán chi tiết

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: Hình thức trên máy vi tính là việc kế toán thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán trên máy vi tính: Hình thức nào sẽ có loại sổ kế toán của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán bằng tay.

1.3.5 Hình thức Nhật ký chứng từ

Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

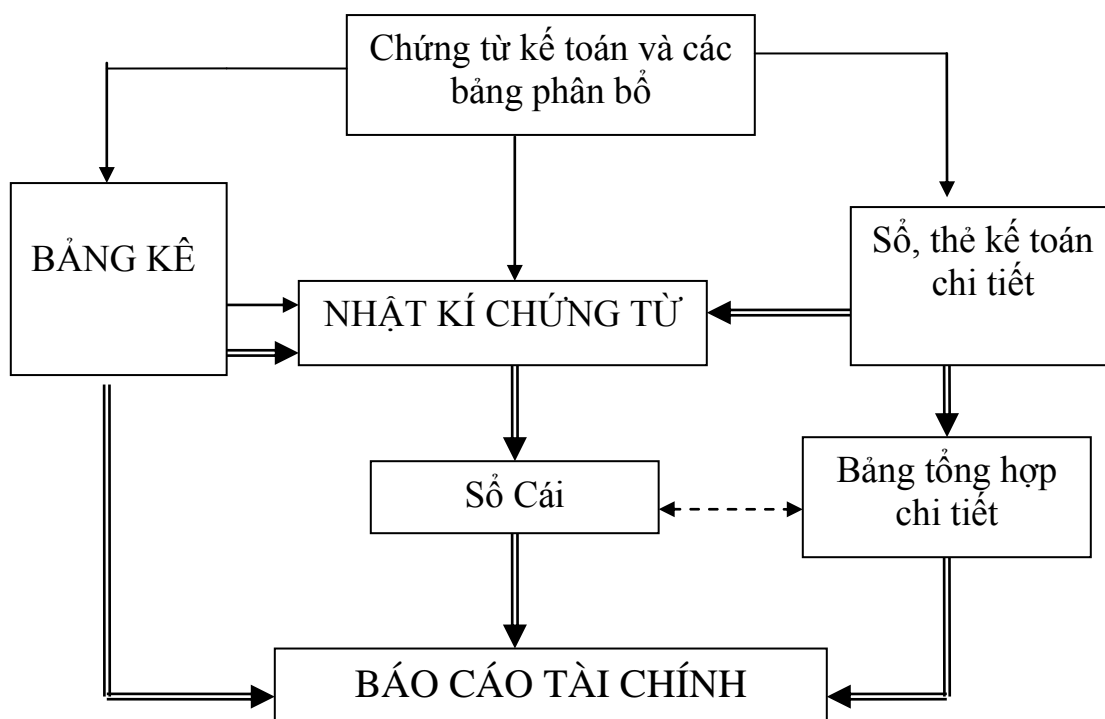
Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

Hình thức này gồm các sổ :

- Nhật ký chứng từ, bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Sau đây em xin trình bày khái quát sơ đồ hạch toán sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ⇒

Đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng

Cảng Hải Phòng đ- ợc thành lập tại quyết định số 376/QĐ-TCCB-LĐ ngày 11/3/1993 của Bộ Giao thông vận tải. Cảng Hải Phòng là một doanh nghiệp Nhà n- ớc thuộc Tổng Công ty hàng hải Việt Nam, một doanh nghiệp có vị trí quan trọng trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển ở Việt Nam.

Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH 1 thành viên cảng Hải Phòng**

Tên giao dịch bằng tiếng anh : Haiphong Port Holding Limited Liability Company

Mã số thuế : 0200236845

Trụ sở chính: 8A Trần Phú, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số điện thoại văn phòng Cảng : 84.31.3552049

Loại hình công ty: công ty TNHH một thành viên

Vốn điều lệ: 700.000.000.000đồng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng

Cảng Hải Phòng là cảng lớn nhất miền bắc Việt Nam. Cảng ra đời vào thế kỷ 19 và có lịch sử hơn 100 năm. Cảng nằm sâu trong nội địa, là đầu mối giao thông quang trọng có vị trí thuận lợi lưu thông hàng hóa tới mọi nơi trên thế giới. Trong những năm 1895-1898 thực dân Pháp đã có kế hoạch chính thức xây dựng Cảng Hải Phòng. Năm 1956 sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng thì Cảng Hải Phòng được khôi phục nhằm phục vụ cho công cuộc xây dựng kinh tế.

Cảng Hải Phòng đ- ợc thành lập theo quyết định số 376/QĐ-TCCB-LĐ ngày 11/3/1993 của Bộ Giao thông vận tải. Cảng Hải Phòng là một doanh nghiệp Nhà

n- ớc thuộc Tổng Công ty hàng hải Việt Nam, một doanh nghiệp có vị trí quan trọng trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển ở Việt Nam. Quản lý và khai thác một hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, tiên tiến và một mạng l- ới dịch vụ đ- ợc bố trí một cách hợp lý dọc theo sông Cửa Cấm đến khu chuyển tải vịnh Hạ Long. Trong nhiều năm qua, Cảng Hải Phòng đã góp một phần tích cực vào việc tiếp nhận và l- u thông hàng hoá xuất nhập khẩu cũng nh- hàng hoá vận chuyển giữa các vùng kinh tế của đất n- ớc. Với đội ngũ 5 xí nghiệp xếp dỡ thành viên và 5 công ty cổ phần có vốn góp, Cảng Hải Phòng đã và đang thúc đẩy các hoạt động đầu t- trên cơ sở tận dụng các nguồn vốn trong và ngoài n- ớc, đồng thời áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất l- ượng theo tiêu chuẩn quốc tế, không ngừng hoàn thiện, nâng cao chất l- ượng dịch vụ nhằm đáp ứng và thoả mãn cao nhất các yêu cầu của khách hàng và tăng năng lực cạnh tranh của mình trên thị tr- ờng trong n- ớc và trong khu vực.

Cảng Hải Phòng còn là thành viên của nhiều Hiệp hội Cảng biển trong n- ớc và trong khu vực. Ngoài ra, Cảng Hải Phòng còn có quan hệ với hàng trăm công ty, chủ tàu, môi giới, đại lý và các chủ hàng ở trong và ngoài n- ớc.

Quá trình xây dựng và tr- ởng thành của Cảng Hải Phòng là một quá trình phấn đấu bền bỉ, sáng tạo, tự lực cánh sinh, tự tìm việc, tự lo vốn, tự đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, là đơn vị đi đầu trong việc áp dụng phương thức “vay vốn nước ngoài” để mở rộng phát triển Cảng Hải Phòng. Hiện nay, Cảng Hải Phòng đã hoàn thành việc cải tạo, xây dựng luồng tàu mới có độ sâu -7,2 mét cho tàu có trọng tải trên 10.000 tấn ra vào Cảng, xây dựng thêm 2 cầu Cảng container Chùa Vẽ, đ- a bến Cảng này thành khu vực xếp dỡ container hiện đại và lớn nhất khu vực phía Bắc, có công suất xếp dỡ trên 600.000 Teus container/năm. Đồng thời đang triển khai xây dựng 05 cầu dài 980 tại bán đảo Đình Vũ - Hải Phòng, đã đ- a vào sử dụng 03 cầu và dự kiến sẽ hoàn thành nốt 02 cầu còn lại vào năm 2010.

Là doanh nghiệp Cảng đầu tiên thực hiện chủ tr- ờng cổ phần hoá của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Cảng Hải Phòng đã cổ phần hoá 4 xí nghiệp thành viên

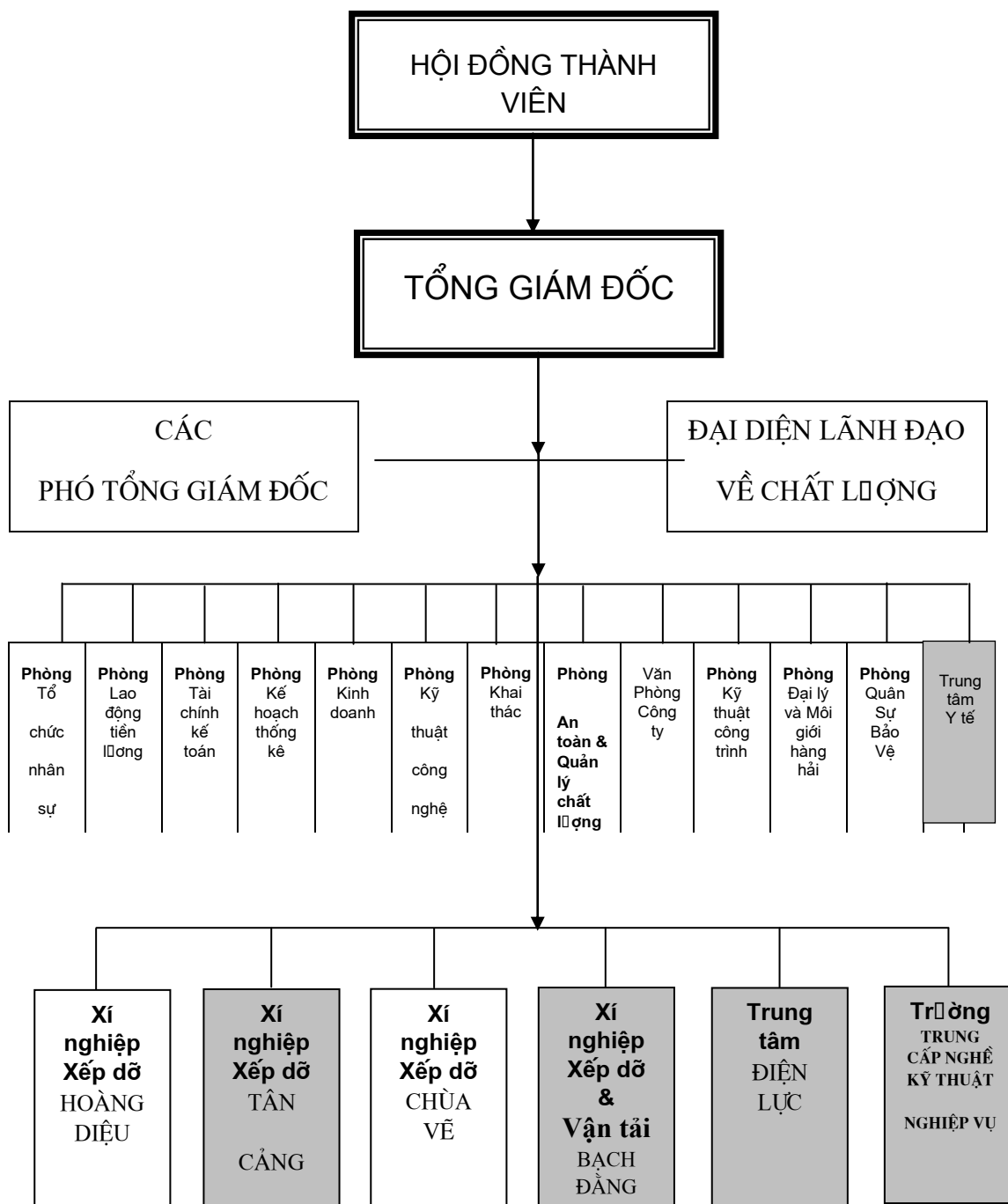
và thành lập công ty Cổ phần đầu tư & phát triển Cảng Đình Vũ sử dụng nguồn vốn huy động từ các cổ đông, toàn bộ dự án gồm 02 cầu tàu dài 450 mét cho tàu 20.000 DWT ra vào để đảm bảo công suất của toàn Cảng Hải Phòng đến năm 2010 là trên 15 triệu tấn/năm. Bên cạnh đó, song song với sự phát triển của Cảng Hải Phòng là phát triển công nghệ thông tin (chương trình MIS), một trung tâm dữ liệu với hệ thống máy chủ "song sinh", 3 máy chủ dự phòng tại các xí nghiệp, 233 máy tính trạm hoạt động tại các Phòng, Ban, Đơn vị trong toàn Cảng Hải Phòng, đảm bảo các thông tin, dữ liệu cập nhật liên tục 24/24 giờ trong ngày. Hiện tại, Cảng Hải Phòng từ Quý III năm 2008 đã chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất, kinh doanh của công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng

Cảng Hải Phòng tập trung kinh doanh các ngành nghề sau:

- Bốc xếp hàng hoá, giao nhận kho vận.
- Đại lý giao nhận vận chuyển.
- Lai dắt, hỗ trợ tàu biển.
- Đóng gói vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường sông, đường biển.
- Trung chuyển container quốc tế.
- Dịch vụ logistic container chuyên tuyến Hải Phòng - Lào Cai bằng đường sắt.
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng



◆ **Hội đồng thành viên**

Nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của Hội đồng thành viên theo Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng đ- ợc ban hành kèm theo quyết định số 207/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam

◆ **Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng**

Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng là ng- ời chịu trách nhiệm tr- ớc pháp luật và tr- ớc Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về mọi hoạt động của Cảng Hải Phòng.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng bao gồm:

- Tổ chức bộ máy và tuyển chọn nhân viên giúp việc theo các nguyên tắc trong điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng (Ban hành kèm theo Quyết định số 207/QĐ-HĐQT, ngày 21/03/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam);
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, các dự án đầu t- của Công ty do Chủ sở hữu nhà n- ớc, Hội đồng thành viên quyết định, quyết định các dự án đầu t- do Hội đồng thành viên phân cấp
- Tổ chức, điều hành hoạt động của doanh nghiệp; Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm và giá dịch vụ phù hợp với các qui định trong điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng;
- Kiến nghị Hội đồng thành viên quyết định về chiến l- ợc phát triển, kế hoạch dài hạn và hàng năm của Công ty, ph- ơng án huy động vốn, ph- ơng án liên doanh, liên kết, ph- ơng án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Tổng công ty và của các cơ quan quản lý Nhà n- ớc có thẩm quyền đối

với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo qui định của Luật doanh nghiệp Nhà nước và Điều lệ về tổ chức hoạt động của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

◆ Đại diện lãnh đạo về chất lượng

Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng bổ nhiệm một Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh làm Đại diện lãnh đạo về chất lượng với các trách nhiệm và các quyền hạn sau:

- Kiểm soát hoạt động xây dựng và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 .
- Báo cáo hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng cho Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng.
- Đề xuất cải tiến hệ thống quản lý chất lượng.

◆ Các phó tổng Giám đốc

- Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động của Cảng Hải Phòng theo phân công và ủy quyền cụ thể của Tổng Giám đốc.
- Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các phần việc đã được phân công hoặc ủy quyền. Trong trường hợp Tổng Giám đốc vắng mặt tại trụ sở, không thể điều hành trực tiếp các hoạt động của Cảng Hải Phòng, thì Phó Tổng Giám đốc thứ nhất là người thay mặt Tổng Giám đốc quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm cá nhân về mọi hoạt động của Cảng Hải Phòng trong khoảng thời gian này.

◆ Kế toán Trưởng

- Kế toán Trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, thực hiện công tác kế toán, thống kê trong toàn Cảng Hải Phòng và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các mặt công tác này.
- Kế toán Trưởng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các mặt công tác này.

▪ **Phòng Tổ chức nhân sự**

Tham m- u giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty trên các lĩnh vực: Tổ chức, cán bộ, quản lý lao động, công tác thanh tra, khen th- ưởng, kỷ luật lao động; Thực hiện các chế độ chính sách của nhà n- ớc đối với ng- ời lao động và công tác bảo vệ chính trị nội bộ của Công ty.

▪ **Phòng Lao động tiền l- ơng**

Tham m- u giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý tổ chức lao động, sử dụng lao động và tiền l- ơng. H- ướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách của Nhà n- ớc đối với ng- ời lao động, nội quy, quy chế về tiền l- ơng và thu nhập theo các quy định hiện hành.

▪ **Phòng Tài chính kế toán**

Tham m- u giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành việc tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của Nhà n- ớc về lĩnh vực tài chính và các lĩnh vực liên quan để áp dụng vào các hoạt động tài chính phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

▪ **Phòng Kinh doanh**

Tham m- u giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực kinh doanh, tiếp thị và pháp chế giao nhận hàng hoá của Công ty.

▪ **Phòng Kỹ thuật công nghệ**

Tham m- u giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành công việc trong lĩnh vực quản lý, xây dựng kế hoạch đầu t- , đổi mới công nghệ, kế hoạch sửa chữa các ph- ơng tiện, máy móc, thiết bị (cả thiết bị điện), công cụ xếp dỡ, định mức tiêu hao vật t- , nhiên liệu trong vận hành, sửa chữa ph- ơng tiện, máy móc, thiết bị, công cụ xếp dỡ, xây dựng quy trình công nghệ xếp dỡ.

▪ Phòng Kế hoạch thống kê

Tham m- u giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực xây dựng và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, hàng năm, quý, tháng; Thống kê phân tích hoạt động kinh tế; quản lý, khai thác hệ thống tin học và quản trị toàn bộ hệ thống mạng thông tin của Công ty (gồm hệ thống MIS, hệ thống CTMS, hệ thống Wireless).

▪ Phòng Khai thác

Tham m- u giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực quản lý, tổ chức khai thác cầu bến, khu vực chuyển tải, ph- ơng tiện, thiết bị của Công ty bảo đảm an toàn, hiệu quả.

▪ Phòng An toàn và quản lý chất l- ượng

Tham m- u giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực An toàn, bảo vệ môi tr- ờng, phòng chống cháy nổ, bệnh nghề nghiệp của ng- ời lao động thuộc Công ty.

▪ Văn phòng công ty

Tham m- u giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty trong việc lập kế hoạch công tác và tổ chức, điều hành công việc theo ch- ơng trình và theo lịch công tác đã đ- ợc Lãnh đạo Công ty duyệt. Tổ chức thực hiện công tác văn th- , l- u trữ tại Công ty, h- ớng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng ban, đơn vị thuộc Công ty thực hiện công tác quản lý văn th- - l- u trữ theo đúng các quy định của Nhà n- ớc và của Công ty.

▪ Phòng Kỹ thuật công trình

Tham m- u giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực quản lý vùng đất, vùng n- ớc của Cảng. Giám sát kỹ thuật việc sửa chữa, bảo d- ỡng, cải tạo, gia c- ờng, thay thế, làm mới... các công trình cảng, nhằm bảo đảm tuổi thọ của các công trình đã có, nâng cao chất l- ượng

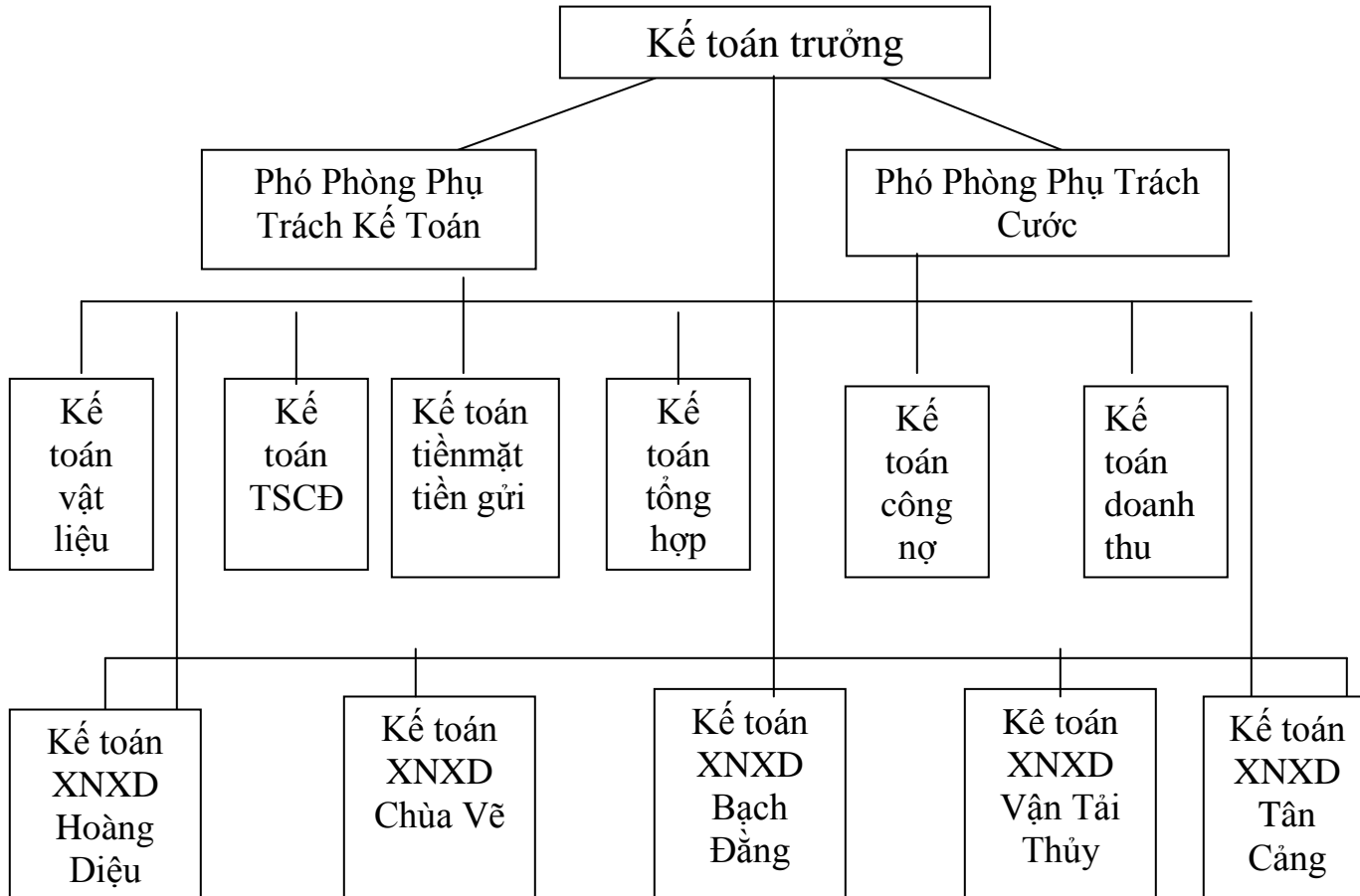
của cơ sở hạ tầng. Xây dựng quy hoạch phát triển Cảng, khảo sát và lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và gia công các công trình đầu t- theo các quy định hiện hành.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH một thành viên Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng

Công ty TNHH 1 thành viên Cảng Hải Phòng là một đơn vị hạch toán độc lập. Mọi hoạt động của công ty đều đặt dưới sự điều hành của ban giám đốc nên bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung.

Tổ chức bộ máy kế toán của công ty được mô tả :



Bộ máy kế toán của công được phân rõ nhiệm vụ và chức năng như sau:

- Kế toán trưởng: là người trực tiếp quản lý và chỉ đạo chung mọi mặt của công tác quản lý tài chính - kế toán, giúp giám đốc trong công tác tham mưu về mặt quản

lý tổ chức và chỉ đạo nghiệp vụ, theo dõi tổng hợp số liệu phát sinh trong quá trình quản lý kinh doanh.

- Kế toán tiền mặt, tiền gửi: quản lý, theo dõi việc thu chi tiền mặt, thực hiện giao dịch qua ngân hàng có liên quan đến các nghiệp vụ chuyển tiền, thanh toán bằng chuyển khoản.
- Kế toán công nợ: theo dõi sổ chi tiết công nợ, theo dõi chặt chẽ tình hình nợ phải thu khách hàng để kịp thời đôn đốc thu hồi.
- Kế toán vật tư: theo dõi tình hình vật tư, kiểm kê hàng hoá nhập, xuất, tồn.
- Kế toán tài sản cố định: theo dõi biến động tăng, giảm tài sản cố định, tính và phân bổ khấu hao.
- Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm kiểm tra các số liệu tài liệu do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển cuối kỳ, lập báo cáo quý, năm, báo cáo tài chính.
- Kế toán doanh thu : theo dõi các chứng từ ghi nhận doanh thu, tổng hợp doanh thu trong kỳ.
- Đơn vị kế toán trực thuộc: có bộ máy kế toán riêng hạch toán độc lập. Cuối kì gửi báo cáo về phòng kế toán công ty để lập báo cáo chung cho toàn công ty.

2.1.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, chế độ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

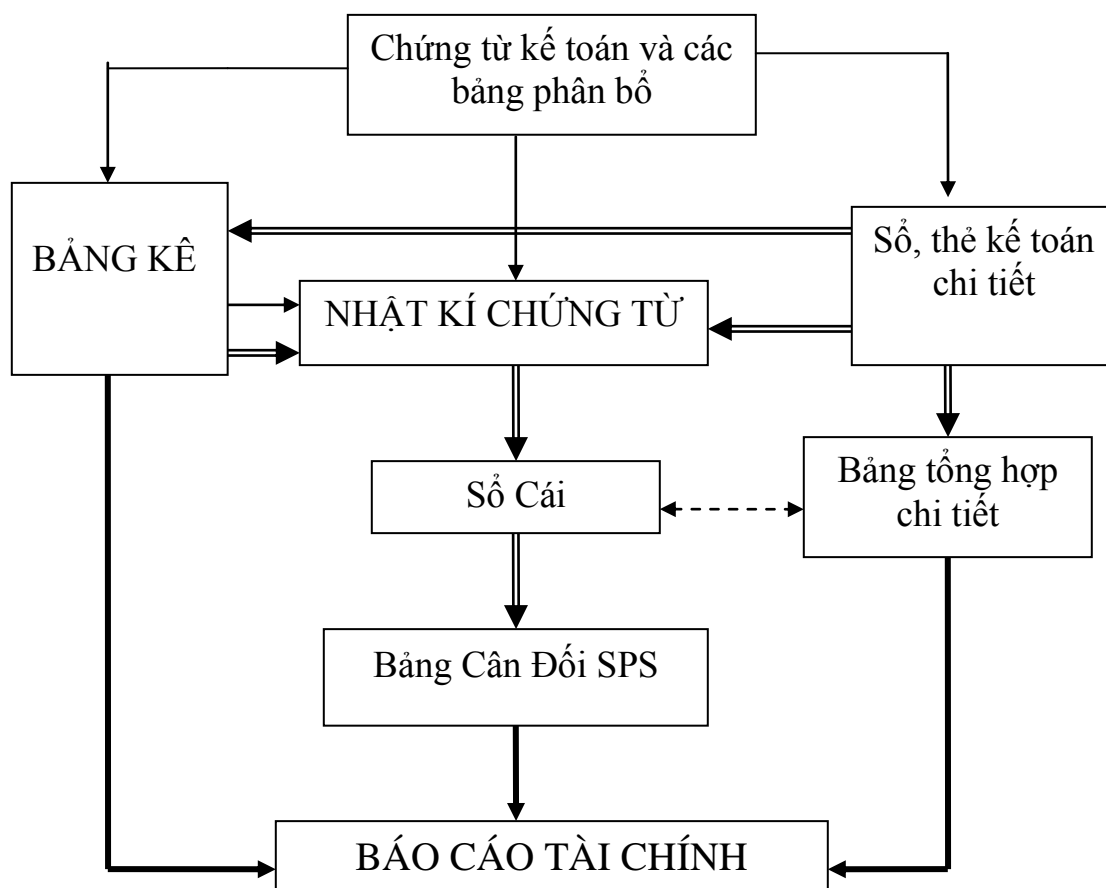
- Niên độ kế toán: Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hằng năm.
- Báo cáo tài chính của công ty được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam
- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc

ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi bổ sung liên quan.

- Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên đối với hàng tồn kho.
- Công ty TNHH 1 thành viên Cảng Hải Phòng sử dụng hình thức Nhật ký – Chứng Từ để ghi chép và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian.

2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và các hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

Sơ đồ hạch toán theo hình thức Nhật Ký Chứng Từ:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	—————→
Ghi cuối tháng	══════════→
Đối chiếu, kiểm tra	←-----→
Ghi cuối quý , năm	══════════→

❖ Hình thức kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ bao gồm:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu trực tiếp vào các Nhật ký – Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các Nhật ký – Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ

- Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký – Chứng từ trực tiếp vào sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ Cái.

- Số liệu tổng cộng ở sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký – Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng

Hệ thống BCTC tại Công ty TNHH 1 thành viên Cảng Hải Phòng gồm có:

- Bảng cân đối kế toán.(B01- DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.(B02- DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.(B03- DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính.(B04 –DN)

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng

2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa

Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng là một doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty hàng hải Việt Nam, một doanh nghiệp có vị trí quan trọng trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển ở Việt Nam. Quản lý và khai thác một hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, tiên tiến và một mạng lưới dịch vụ được bố trí một cách hợp lý dọc theo sông Cửa Cấm đến khu chuyển tải vịnh Hạ Long. Trong nhiều năm qua, Cảng Hải Phòng đã góp một phần tích cực vào việc tiếp nhận và lưu thông hàng hoá xuất nhập khẩu cũng như hàng hoá vận chuyển giữa các vùng kinh tế của đất nước.

Các ngành nghề kinh doanh của Cảng bao gồm :

- Bốc xếp hàng hoá, giao nhận kho vận.
- Đại lý giao nhận vận chuyển.
- Lai dắt, hỗ trợ tàu biển.
- Đóng gói vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường sông, đường biển.
- Trung chuyển container quốc tế.
- Dịch vụ logistic container chuyên tuyến Hải Phòng - Lào Cai bằng đường sắt.
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải.

Cảng Hải Phòng tập trung kinh doanh dịch vụ vận tải biển. Vận tải biển là một ngành sản xuất vật chất đặc biệt trong hệ thống các ngành kinh tế quốc dân, nó có chức năng thực hiện các quá trình vận chuyển hàng hoá và hành khách. Lao động của vận tải là tiếp tục quá trình hoàn thành các quá trình sản xuất trong quá trình lưu thông làm tăng giá trị sản phẩm.

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn công ty thu được lợi ích kinh tế cung cấp hàng hóa dịch vụ đó, hàng hóa dịch vụ đã hoàn thành hay chưa đã phát hành hóa đơn , không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Chứng từ, tài khoản sử dụng :

a, Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế (về cung cấp dịch vụ)
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Chứng từ khác có liên quan (nếu có).

b, Sổ sách sử dụng:

- Bảng kê bán hàng.
- Nhật kí chứng từ số 8
- Sổ cái TK 511, 333, 133, 911...

c, Tài khoản sử dụng:

- TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Trong đó, công ty phản ánh 6 loại doanh thu chính :

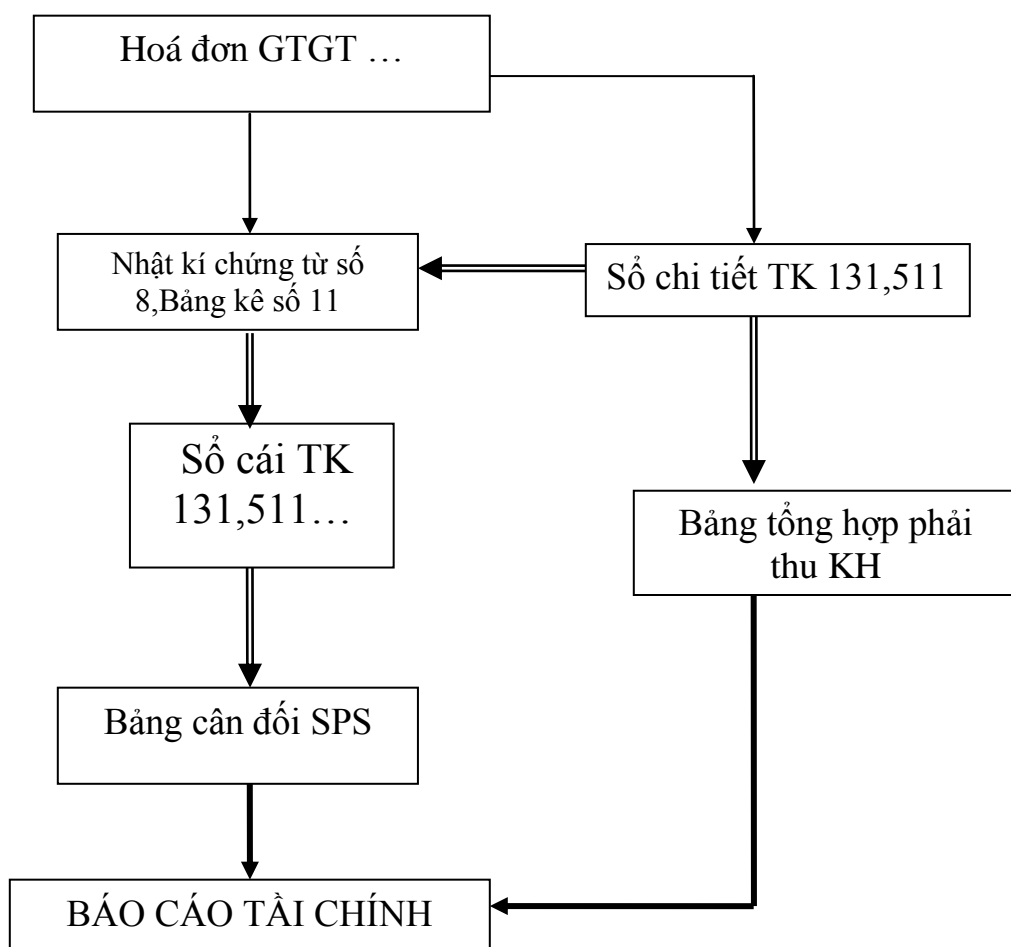
- ✓ TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- ✓ TK 511321 :Doanh thu bốc xếp

- ✓ TK 511322 :Doanh thu kiểm đếm, giao nhận, cân hàng
- ✓ TK 511323 :Doanh thu lưu kho, thuê bãi.
- ✓ TK 511324 : Doanh thu chuyển tải
- ✓ TK 511325 : Doanh thu buộc cởi dây, lai dất hỗ trợ tàu.

- TK 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh...

• Quy trình hạch toán



- *Trình tự hạch toán*

- Hàng ngày, căn cứ phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT và các chứng từ khác có liên quan, kế toán vào sổ chi tiết công nợ phải thu của khách hàng đồng thời lập bảng kê số 11, NKCT số 8 và các NKCT khác có liên quan
- Cuối tháng căn cứ vào bảng kê số 11 và NKCT số 8, kế toán lập sổ cái TK 131, 511 và sổ cái của các TK liên quan, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131, 511 lập bảng tổng hợp chi tiết.
- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái của các TK, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, từ BCĐSPS, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính

Ví dụ : Ngày 07/12/2010, công ty dỡ hàng rời cho công ty Bột Mỳ VINAFOOD 1 theo hóa đơn số 0029911, với số tiền chưa có VAT là 25.335.000 đ.

Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131 : 27.868.500

Có TK 511 : 25.335.000

Có TK 3331 : 2.533.500

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ như sau :

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0029911, kế toán ghi vào sổ chi tiết theo dõi công nợ (Biểu 2.1)

- Từ sổ chi tiết TK 131, kế toán vào bảng kê số 11- TK 131 (Biểu 2.2) đồng thời từ HĐ GTGT kế toán ghi vào NKCT số 8 - TK 511 (Biểu 2.3). Căn cứ vào sổ chi tiết TK 511321 (Biểu 2.5) vào bảng tổng hợp chi tiết TK 511 (Biểu 2.6)

- Cuối tháng từ bảng kê số 11, NKCT số 8 và các NKCT khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (Biểu 2.4), TK 511 (Biểu 2.7)

- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái của các TK lập BCĐSPS, từ BCĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết của các TK, kế toán lập Báo cáo tài chính.

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

a, Tài khoản sử dụng : TK 632

b, Sổ sách sử dụng

- Bảng kê TK 621,622,627

- Bảng kê TK 154

Công ty TNHH 1 thành viên Cảng Hải Phòng phản ánh các khoản chi phí được hạch toán trực tiếp vào giá vốn. Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất, chi phí tiền lương sản xuất trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được kế toán hạch toán vào các Bảng kê liên quan.

Từ Bảng kê số 4 – TK 621, Bảng kê số 4 – TK 622 và Bảng kê số 4 TK 627 kế toán tập hợp các loại chi phí phát sinh của hoạt động kho bãi, hoạt động cân hàng, hoạt động bốc xếp. Qua đó tổng hợp vào Bảng kê số 4 - TK 154, đồng thời hạch toán vào TK 632 thông qua Bảng kê số 4 - TK 632

Ví dụ : Lấy tiếp ví dụ phân doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (HĐ 0029911 ngày 07/12/2010)

Giá vốn của HĐ GTGT số 0029911 được tính dựa trên các chi phí cho 1 tấn hàng theo quy định của công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng trên chi phí phát sinh thực tế.

Kế toán xác định giá vốn cho 1.689 tấn hàng rời theo HĐ GTGT 0029911

- Tập hợp chi phí

Nợ TK 154 : 25.239.301

 Có TK 621 : 4.957.215

 Có TK 622 : 11.131.084

 Có TK 627 : 9.151.002

⇒ Kế toán phản ánh giá vốn

Nợ TK 632 : 25.239.301

 Có TK 154 : 25.239.301

Kế toán ghi sổ như sau :

- Kế toán lập bảng kê tập hợp chi phí sản xuất cho 1.689 tấn hàng rời (Biểu 2.8)
- Căn cứ vào các bảng kê số 4 TK 621, bảng kê số 4 TK 622 , bảng kê số 4 TK 627 kế toán vào bảng kê số 4 TK 154 (Biểu 2.9).
- Cuối tháng, dựa vào bảng kê số 4 TK 154 và các bảng kê liên quan đồng thời tổng hợp từ BCĐSPS của các xí nghiệp thành viên, kế toán vào sổ cái TK 632 (Biểu 2.10)
- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái của các TK lập BCĐSPS , từ BCĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết của các TK, kế toán lập bảng cân đối kế toán

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty là các khoản chi phí liên quan đến doanh nghiệp như :

- ✓ chi phí lương của nhân viên quản lý
- ✓ chi phí đồ dùng văn phòng
- ✓ chi phí thông tin
- ✓ chi quảng cáo – tiếp thị...
- ✓ chi đào tạo
- ✓ công tác phí....

a, Tài khoản sử dụng :TK 642

b , Chứng từ , sổ sách sử dụng : giấy đề nghị thanh toán, phiếu chi, Bảng kê số 5

Ví dụ : Ngày 27/12/2010 , chi tiền tiếp khách của phòng kinh doanh số tiền 8.702.500 theo phiếu chi số 298.

Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 642 : 7.911.364

Nợ TK 133 : 791.136

Có TK 111 : 8.702.500

Từ bút toán trên , kế toán ghi sổ như sau :

- Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán đã được giám đốc công ty phê duyệt, kế toán lập phiếu chi số 298 rồi vào bảng kê số 5 TK 642 (Biểu 2.11)
- Cuối tháng ,từ bảng kê số 5 – TK 642 và các NKCT liên quan kế toán vào sổ cái TK 642 (Biểu 2.12)
- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái của các TK lập BCĐSPS , từ BCĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết của các TK, kế toán lập bảng cân đối kế toán

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính.

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- *Nội dung*

Doanh thu hoạt động tài chính : phản ánh doanh thu tiền lãi, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ không phân biệt doanh thu đã thu hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp bao gồm :

- Lãi tiền gửi từ ngân hàng: được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lợi nhuận thực tế.
 - Lãi từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện : được thực hiện vào cuối kì
 - Doanh thu cho thuê văn phòng
 - Doanh thu lãi cổ tức
 - Doanh thu lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu
 - Doanh thu chiết khấu mua hàng
- *Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng*
 - TK sử dụng : TK 515
 - Chứng từ sử dụng : giấy báo có , phiếu thu, HĐ GTGT..
 - Sổ sách sử dụng : bảng kê TK 112, sổ chi tiết TK 515, sổ cái TK 515...

Ví dụ : Doanh nghiệp cho công ty PENTA –TOA thuê văn phòng theo HĐ GTGT số 0029875 ngày 02/12/2010.

Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 111 : 10.296.000

Có TK 515 : 9.360.000

Có TK 333 : 936.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi sổ như sau :

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0029875, kế toán vào sổ chi tiết TK 515.
- Cuối tháng, dựa vào sổ chi tiết TK 515 và các bảng kê liên quan kế toán vào bảng tổng hợp chi tiết TK 515 (Biểu 2.13), đồng thời căn cứ vào NKCT số 8 TK 515 kế toán vào sổ cái TK 515(Biểu 2.14)
- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái của các TK lập BCĐSPS, từ BCĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết của các TK, kế toán lập bảng cân đối kế toán

2.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính : phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính trong doanh nghiệp như :

- Trả lãi vốn vay của ngân hàng
- Chênh lệch tỷ giá vốn vay
- Chênh lệch tỷ giá thực tế và hạch toán...

a, Tài khoản sử dụng :TK 635

b , Chứng từ ,sổ sách sử dụng : giấy báo nợ, phiếu chi, sổ chi tiết TK 635, sổ cái TK 635

Ví dụ : Chi phí lãi vốn vay phải trả trong tháng 12 là 588.542.434 đ

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan và bảng kê chi tiết tiền lãi vay của Công ty trong tháng 12.

Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 635 : 588.542.434

Có TK 112 : 588.542.434

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ như sau :

- Căn cứ vào các chứng từ như giấy báo nợ của ngân hàng, sổ phụ ngân hàng kế toán tiến hành đối chiếu rồi vào vào sổ chi tiết TK 635
- Cuối tháng, từ sổ chi tiết TK 635 và các NKCT liên quan, kế toán vào bảng tổng hợp chi tiết TK 6350 , từ NKCT số 8 TK 635 kế toán sổ cái TK 635 (Biểu 2.15)
- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái của các TK lập BCĐSPS , từ BCĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết của các TK, kế toán lập bảng cân đối kế toán.

2.2.5. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác : phản ánh thu nhập từ hoạt động khác của doanh nghiệp như :

- Thu về xử lý hàng tồn đọng
 - Nhượng bán TSCĐ
 - Bán phế liệu...
- *Tài khoản sử dụng : TK 711*
 - *Chứng từ, sổ sách sử dụng*
 - Hoá đơn GTGT
 - Biên bản thanh lý TSCĐ
 - Phiếu thu
 - Sổ chi tiết TK 711
 - Sổ cái TK 711

Ví dụ : Doanh nghiệp cho Ga Hải Phòng thuê điện theo HĐ GTGT số 0029883 ngày 04/12/2010

Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 111 : 1.947.575

Có TK 711 : 1.770.523

Có TK 3331 : 177.052

Từ bút toán trên kế toán định khoản :

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0029883 kế toán vào sổ chi tiết 711, từ sổ chi tiết TK 711 kế toán vào bảng tổng hợp chi tiết TK 711, đồng thời vào NKCT số 10 TK 711 (Biểu 2.16)

- Cuối tháng, căn cứ vào NKCT số 10 TK 711 và các bảng kê có liên quan kế toán vào sổ cái TK 711 (Biểu 2.17)

- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái của các TK lập BCĐSPS , từ BCĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết của các TK, kế toán lập bảng cân đối kế toán

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Đến cuối kì, kế toán tiến hành kết chuyển các khoản doanh thu, thu nhập và chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kì của doanh nghiệp .Cụ thể là :

Ví dụ : xác định kết quả kinh doanh tháng 12 / 2010

○ Kết chuyển doanh thu bao gồm : doanh thu thuần của hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ bên ngoài (doanh thu sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác phát sinh trong kì :

Nợ TK 511 : 114.811.392.372

Nợ TK 515 : 10.022.327.178

Nợ TK 711 : 265.106.967

Có TK 911: 125.098.826.517

○ Kết chuyển trị giá vốn của hàng hóa dịch vụ, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác phát sinh trong kì :

Nợ TK 911 : 120.803.908.200

Có TK 632: 85.120.758.369

Có TK 635: 19.629.448.701

Có TK 642: 17.053.701.186

⇒ Kết quả sản xuất kinh doanh = Có TK 911 –Nợ TK 911

Xác định thuế TNDN phải nộp Nợ TK 821: 1.073.729.565

Có TK 3334 : 1.073.729.565

⇒ - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp :

Nợ TK 911: 1.073.729.565

Có TK 821 :1.073.729.565

- Kết chuyển Lãi :

Nợ TK 911: 3.221.188.695

Có TK 421: 3.221.188.695

Kế toán ghi vào sổ sách :

- Từ các sổ sách liên quan của các TK : 511, 515, 632, 635, 642, 711 kế toán tổng hợp vào sổ chi tiết TK 911, sau đó vào NKCT số 10 TK 911 (Biểu 2.18).

- Căn cứ vào NKCT số 10 TK 911 và các NKCT liên quan kế toán vào sổ cái TK 911 (Biểu 2.19) và sổ cái TK 421 để xác định kết quả kinh doanh

- Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái của các TK lập BCĐSPS , từ BCĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết của các TK, kế toán lập bảng cân đối kế toán.

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

Hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng. Bởi lẽ nó liên quan đến việc kết quả kinh doanh, các khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trên lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần, kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt vào thực tiễn. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng... còn cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và nắm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn, hiệu quả.

3.1.1. Những ưu điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

Trong quá trình tìm hiểu phần hành kế toán tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng em nhận thấy công ty có những ưu điểm sau:

- Về hình thức kế toán:

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ mà công ty đang áp dụng phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế tại Công ty. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ phù hợp với những doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa từ nhà nước đi lên, hơn nữa đặc điểm kinh doanh dịch vụ của công ty lại có nhiều loại dịch vụ, đa dạng về chủng

loại và số lượng nên số lượng chứng từ sổ sách theo dõi riêng khá nhiều. Như vậy, hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ đã đáp ứng được nhu cầu hạch toán kế toán và quản lý của công ty.

- Về tổ chức công tác kế toán hiện nay :

Việc tổ chức công tác kế toán hiện nay phù hợp với đặc điểm, tình hình của công ty. Công ty luôn chấp hành một cách nghiêm túc và đầy đủ các chính sách, chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước, các chính sách về giá và thuế .Tổ chức mở sổ phù hợp đầy đủ để phản ánh tình hình biến động của thị trường kinh doanh đồng thời ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh nhờ đó góp phần bảo vệ tài sản của công ty.

- Về tổ chức bộ máy kế toán :

Việc tổ chức bộ máy kế toán hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu công việc và trình độ chuyên môn của từng nhân viên. Đội ngũ kế toán giàu kinh nghiệm, hình thức kế toán tập trung phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được hạch toán nhanh chóng, chính xác. Tuy khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh của Công ty khá nhiều nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các phần hành. Kế toán tổng hợp đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động, giá cước và xu hướng cung cấp dịch vụ trên thị trường đồng thời tính toán chính xác thu nhập và các chi phí phát sinh của hoạt động cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và các hoạt động khác. Phân bổ một cách hợp lý cho từng loại dịch vụ cung cấp cho khách hàng cũng như thực hiện nghiêm túc với Ngân sách Nhà nước về các khoản phải nộp.

- Về chứng từ và quy trình luân chuyển chứng từ:

Hệ thống chứng từ được xây dựng phù hợp theo quy định, tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện cho việc kê khai nộp thuế thuận lợi, các chứng từ được bảo quản, lưu giữ tại phòng kế toán theo đúng quy định hiện hành.

- Về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Trên cơ sở đặc điểm kinh doanh của Công ty, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn để đưa ra hệ thống sổ sách ghi chép, xác định một cách chính xác doanh thu, chi phí. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty đã biết gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh của công ty với những quy định hạch toán trong hạch toán doanh thu, luôn phản ánh chính xác kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo tính thống nhất và linh hoạt trong công tác hạch toán kế toán của Công ty.

Kế toán doanh thu bên cạnh việc cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác cho các cơ quan chức năng, cơ quan thuế... còn cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan lãnh đạo doanh nghiệp, giúp cho ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó đưa ra chiến lược nắm bắt thị trường hiệu quả.

3.1.2. Một số hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

Bên cạnh những ưu điểm, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn một số mặt hạn chế

- Về phương pháp ghi chép sổ sách kế toán

Việc hạch toán, ghi chép các nghiệp vụ phát sinh vẫn tiến hành thủ công mất nhiều thời gian, dễ sai lệch, nhầm lẫn về số liệu dẫn đến khó đối chiếu, so sánh. Các phòng ban kế toán đã được trang bị hệ thống máy vi tính nhưng mới chỉ dùng để nhập dữ liệu và làm việc trên Excel mà chưa ứng dụng phần mềm kế toán vào hạch toán làm làm tăng gánh nặng công việc của kế toán.

- Về bộ máy kế toán

Số lượng cán bộ, nhân viên công tác tại phòng kế toán tài chính là khá nhiều, đa số là những người lớn tuổi như vậy sẽ khó đổi mới phương pháp ghi chép sổ sách,

việc áp dụng các phần mềm kế toán hiện đại sẽ mất nhiều thời gian ảnh hưởng đến hiệu quả, năng suất công việc.

- Về chính sách thu hồi nợ

Công ty có lượng nợ phải thu khá lớn, gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay vốn không được sử dụng hiệu quả ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hiện tại công ty mới chỉ có chính sách chiết khấu thương mại cho những khách hàng lâu năm, có sản lượng hàng hóa sử dụng dịch vụ của công ty lớn mà chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng. Điều này có thể dẫn đến việc khách hàng chậm thanh toán ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán trong công tác ghi chép

Một số sổ sách kế toán của Công ty không đúng theo mẫu biểu quy định làm ảnh hưởng đến công tác ghi chép theo dõi các tài khoản của doanh nghiệp. Ví dụ công ty sử dụng nhật ký chứng từ số 10 để hạch toán TK 711, 911. Bên cạnh đó công ty chưa sử dụng sổ sách theo dõi tiêu cho TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ ảnh hưởng tới việc hạch toán của doanh nghiệp.

- Về mô hình tổ chức công tác kế toán

Mô hình tổ chức kế toán tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng là mô hình kế toán tập trung, đơn vị báo sổ, các nghiệp vụ phát sinh tại các đơn vị thuộc công ty sẽ được đơn vị cấp trên tổng hợp vào cuối kỳ điều này dẫn đến việc số liệu dồn lại, khối lượng công việc nhiều dễ gây nhầm lẫn, hiệu quả công việc không cao.

- Về công tác theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng là doanh nghiệp có quy mô lớn, do vậy chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong tháng rất nhiều, hiện nay công ty mới chỉ sử dụng Bảng kê số 5 để theo dõi phát sinh của TK 642 do vậy các nghiệp

vụ phát sinh không được hạch toán cụ thể, chi tiết theo từng nội dung chi phí, việc phản ánh trên sổ sách không logic dễ nhầm lẫn, như vậy công tác theo dõi không đảm bảo phản ánh chính xác số chi phí bỏ ra.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy các doanh nghiệp rất cần các thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp giải quyết khắc phục vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và lựa chọn thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua. Tuy nhiên những tồn tại hạn chế là yếu tố tất yếu trong bất kỳ bộ phận nào kể cả bộ máy kế toán. Do vậy yêu cầu hoàn thiện luôn được đặt ra.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong tất cả các doanh nghiệp. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn bộ doanh nghiệp. Do đó, nó càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty và các cơ quan quản lý của nhà nước.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất. Nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất để khâu tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng đầy đủ theo chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn các phần hành

khác, vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần này không những xác định kết quả đúng cho doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ, mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty, bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp tác động đến tất cả các hoạt động trong công ty.

3.2.2. Một số nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Do tầm quan trọng của phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên việc hoàn thiện phải đảm bảo các nguyên tắc sau :

Thứ nhất, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng thể thức, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán là một công cụ tài chính quan trọng của nhà nước do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

Thứ hai, hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với các đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Thứ ba, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán đảm bảo hiệu quả công tác chung.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu , nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được

hoàn thiện hơn. Bài viết xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau :

➤ **Ý kiến 1 : Về phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.**

Để có bộ máy kế toán hoàn chỉnh, hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo theo quy định của pháp luật thì cần hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán trong công ty.

Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường sự ứng dụng của khoa học công nghệ vào đời sống, sản xuất đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và đáp ứng yêu cầu quản lý Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA... Về giải pháp này việc thực hiện sẽ do Phòng Kỹ thuật Công Nghệ phụ trách, Công ty có thể mua bản quyền hoặc đề nghị thuê lập trình phần mềm sao cho phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh dịch vụ của doanh nghiệp đồng thời tổ chức các lớp học nghiệp vụ về phần mềm kế toán cho các nhân viên phòng ban Tài chính – Kế toán.

Việc áp dụng phần mềm kế toán vào tổ chức kế toán của công ty giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán, tiết kiệm thời gian, chi phí góp phần hiện đại hóa việc ghi chép các nghiệp vụ cũng như sổ sách kế toán, giúp công tác quản lý được dễ dàng. Hệ thống sổ sách được thiết lập một cách khoa học, đầy đủ và chính xác.

➤ **Ý kiến 2 : Về bộ máy kế toán.**

Đội ngũ nhân viên tài phòng kế toán tài chính là những người công tác lâu năm, dựa trên kinh nghiệm làm việc của mỗi người Công ty có thể đề ra nhiều biện pháp để hoàn thiện bộ máy kế toán.

Hoàn thiện bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán. Công ty nên đưa đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin

học, các Khóa học về sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu của các nhà quản lý. Công ty nên đào tạo, tiến hành trẻ hóa đội ngũ nhân viên kế toán, phát huy kinh nghiệm của các nhân viên đã làm việc lâu năm đồng thời phát triển khả năng sáng tạo của các nhân viên bằng các cách làm việc đổi mới, chú ý tới năng lực làm việc của các cá nhân từ đó tổ chức, bố trí công việc của các nhân viên kế toán phù hợp với chức năng trình độ của mỗi người, áp dụng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động.

Việc tổ chức, nâng cao hiệu quả làm việc của bộ máy kế toán đóng vai trò quan trọng trong công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp. Trình độ và chất lượng của bộ máy kế toán càng cao thì công việc kế toán tại doanh nghiệp càng hiệu quả, phản ánh đúng tình hình sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

➤ Ý kiến 3 : Về chính sách thu hồi nợ

Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng có số lượng khách hàng nợ lại rất lớn để có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn thì doanh nghiệp cần phải có những chính sách thu hồi nợ. Để thực hiện thành công chính sách thu hồi nợ thì doanh nghiệp cần có những biện pháp sau

- Doanh nghiệp phải thường xuyên quan tâm đốc thúc khách hàng nợ tiền và những người có liên quan tham gia sát sao vào công tác thu hồi nợ.

- Đưa ra những chính sách để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm. trong đó quan trọng là chính sách chiết khấu thanh toán. Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy nhanh sản lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Số tiền khách hàng thanh toán khi sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp.
- Thời gian thanh toán tiền hàng

Sau khi thực hiện được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc hạch toán kế toán thông qua tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Nợ 635

Có 131,111,112...

Thực hiện tốt các giải pháp về thu hồi nợ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

Ví dụ : Theo quy định của Công ty, các hợp đồng kinh tế ký kết với khách hàng theo hình thức hợp đồng năm thì việc thanh toán có thể tiến hành trả dần theo từng kỳ. Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô là khách hàng lâu năm của doanh nghiệp, trong tháng 12 năm 2010 doanh nghiệp đã bốc xếp 7.000 tấn hàng đóng bao rời cho Công ty Đông Đô với đơn giá 15.000đ/tấn thời hạn thanh toán là 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

- Doanh thu ghi nhận dịch vụ Nợ TK 131 : 115.500.000

Có TK 511321 : 105.000.000

Có TK 3331 : 10.500.000

Cuối tháng Công ty Đông Đô trả tiền dịch vụ bằng tiền gửi ngân hàng. Dựa trên số tiền thanh toán của khách hàng là khá lớn đồng thời khách hàng đã thực hiện thanh toán trước hạn, trong trường hợp này doanh nghiệp nên cho khách hàng được hưởng chiết khấu thanh toán. Như vậy sẽ khuyến khích khách hàng sử dụng các dịch vụ vận tải biển của doanh nghiệp, tăng hiệu quả kinh doanh.

➤ **Ý kiến 4 : Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán trong công tác ghi chép**

Kế toán công ty nên mở Nhật ký chứng từ cho các TK 711, 911 theo đúng quy định để giúp cho việc quản lý, theo dõi các tài khoản này được thuận tiện.

Theo quy định TK711, 911 được hạch toán qua nhật ký chứng từ số 8 (mẫu S04a8 – DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC). Căn cứ vào số liệu báo cáo của các đơn vị phụ thuộc, công ty cần hạch toán riêng TK 512 thông qua hệ thống sổ sách như nhật ký chứng từ số 8 – TK 512, sổ cái TK 512.

Việc mở sổ đúng quy định sẽ thuận tiện cho việc ghi chép và theo dõi khi cần thiết, đáp ứng được nhu cầu của nhà quản lý đồng thời giúp doanh nghiệp tuân thủ đúng chế độ sổ sách kế toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

➤ **Ý kiến 5 : Về mô hình tổ chức công tác kế toán**

Doanh nghiệp đã áp dụng mô hình kế toán tập trung một thời gian dài, việc thay đổi, cải tiến là rất cần thiết. Mỗi đơn vị kinh doanh thuộc doanh nghiệp đều thành lập ban tài chính riêng như vậy việc cải tiến mô hình kế toán sẽ có nhiều thuận lợi.

Để thực hiện tốt công tác hoàn thiện, cải tiến mô hình kế toán, doanh nghiệp cần sắp xếp, bố trí số lượng công việc kế toán tập hợp tại đơn vị cấp trên vào cuối kỳ. Doanh nghiệp nên phân quyền, bố trí công việc kế toán cụ thể cho từng đơn vị kế toán trực thuộc. Giảm bớt khối lượng số liệu và nghiệp vụ tập trung tại đơn vị chính, với những đơn vị có số lượng nghiệp vụ phát sinh không nhiều, để theo dõi thì nên tiến hành công việc kế toán tổng hợp, kết chuyển, đánh giá cuối kỳ ngay tại đơn vị phát sinh sau đó báo cáo, phản ánh lại đơn vị cấp trên .

Việc thu gọn quy mô tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp sẽ giảm bớt được khối lượng số liệu dồn lại mỗi kỳ, hạn chế được nhầm lẫn sai sót, giúp doanh nghiệp đánh giá đúng công tác kế toán tại từng đơn vị từ đó có biện pháp

khắc phục, hoàn thiện. Như vậy mô hình tổ chức kế toán sẽ bớt cồng kềnh, tăng hiệu quả công tác hạch toán, kế toán tại doanh nghiệp.

➤ **Ý kiến 6 : Về công tác theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp**

Việc mở sổ chi tiết theo dõi TK 642 sẽ giúp doanh nghiệp phản ánh cụ thể các nghiệp vụ phát sinh của chi phí này. Đồng thời căn cứ vào các chứng từ liên quan kế toán sẽ vào Bảng kê số 5 TK 642 . Như vậy việc hạch toán sẽ đầy đủ, chính xác đảm bảo công tác theo dõi được kịp thời.

Kết luận

Vận tải biển là ngành được nhà nước rất chú trọng đầu tư nhằm thỏa mãn nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng đã được đầu tư xây dựng nhằm thỏa mãn nhu cầu vận tải biển không những ở khu vực đông bắc bộ mà còn là đầu mối giao thông biển quan trọng của cả nước. Để hoạt động có hiệu quả trong thời gian hiện nay và đặc biệt là hội nhập kinh tế thì việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh từ đó đưa ra các chiến lược phát triển phù hợp là điều kiện không thể thiếu.

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư với các nhà đầu tư.

Khóa luận “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng “ đã nêu được các vấn đề cơ bản sau :

- Về mặt lý luận : nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán doanh thu, kế toán chi phí cho hàng bán ra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Về mặt thực tế : đã nêu được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí cho hàng bán ra, kế toán xác định kết quả kinh doanh cho Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng năm 2010.
- Về kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở công ty, từ thực tế nắm bắt được, đối chiếu lý luận đã

học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong nhận được sự chỉ bảo góp ý của các thầy cô .

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 6

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 6

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 7

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 8

1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 9

1.1.4.2. Chi phí và các loại chi phí 10

1.1.4.3. Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 11

1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng 11

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 13

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu..... 13

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng 13

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... 17

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán 19

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp 22

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng 22

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp 23

1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính..... 25

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính..... 26

1.2.5. Kế toán thu nhập và chi phí khác..... 27

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác..... 27

1.2.5.2. Kế toán chi phí khác..... 29

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... 30

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 32

1.3.1 Hình thức nhật ký chung 32

1.3.2 Hình thức Nhật ký - Sổ cái 32

1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ 33

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính..... 33

1.3.5 Hình thức Nhật ký chứng từ 33

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG.....	35
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.....	35
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.....	35
2.1.2. Đặc điểm sản xuất, kinh doanh của công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.....	37
2.1.3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.....	38
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.....	43
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH một thành viên Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.....	43
2.1.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, chế độ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.....	44
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và các hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.....	45
2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.....	47
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng	47
2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng	47
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa.....	47
2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng.....	48
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	Error! Bookmark not defined.
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	52
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính.	53
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	53
2.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính.....	54
2.2.5. Kế toán thu nhập khác.....	55
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	56
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG	58
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.....	58
3.1.1. Những ưu điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.	58

3.1.2. Một số hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.	60
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.	62
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	62
3.2.2. Một số nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	63
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng.	63
Kết luận	66